**1. Đăng ký khai thác nước dưới đất**

Trình tự thực hiện:

Cơ quan xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất là Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định 02/2023/NĐ-CP. - Căn cứ Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát 02 tờ khai đăng ký theo Mẫu 35 Nghị định 02/2023/NĐ-CP cho tổ chức, cá nhân để kê khai. Trường hợp chưa xây dựng công trình khai thác nước dưới đất, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành xây dựng công trình. - Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho cơ quan xác nhận đăng ký. - Cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai (đã được xác nhận) cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cho cơ quan xác nhận đăng ký và thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 10 Ngày làm việc |  | Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| Trực tiếp | 10 Ngày làm việc |  | Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng kí có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận và tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân. |

Thành phần hồ sơ:

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 35 Nghị định 02/2023/NĐ-CP. | Mau 35.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp Huyện

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp Huyện

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan xác nhận đăng ký.

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 17/2012/QH13 | Tài nguyên nước | 21-06-2012 | Quốc Hội |
| 02/2023/NĐ-CP | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước | 01-02-2023 | Chính phủ |

**Mẫu 35**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**TỜ KHAI****ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT***(đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác)*

**A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

**1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: .................................................................................

*(Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân).*

1.2. Địa chỉ liên hệ: ...........................................................................................................

1.3. Số điện thoại liên hệ: .................................................................................................

**2. Thông tin về công trình khai thác:**

2.1. Vị trí công trình: .......................................................................................................

*(Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất)*

2.2. Số giếng khai thác: ............*(m)*; *Chiều sâu khai thác:* .................*(m)*

2.3. Lượng nước khai thác, sử dụng: .................*(m3/ngày đêm);*

2.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước: ...........................................................................

*(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *..........., ngày .... tháng ..... năm ........* **Tổ chức/cá nhân đăng ký** *Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)* | |
| **B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ** *(Xác nhận, ký, đóng dấu)* | |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:**

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức /cá nhân xin đăng ký.

2. Vị trí công trình, lưu lượng khai thác và mục đích sử dụng nước.

3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan tiếp nhận quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

**2. Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do UBND cấp huyện tổ chức lấy ý kiến**

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ (theo khoản 3 Điều 2 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023) đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện.  
Bước 2: Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ.  
Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, gửi văn bản xin ý kiến hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt ra văn bản trả lời.  
Bước 4: Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện gửi văn bản trả lời cho Chủ dự án.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 30 Ngày làm việc |  | Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cho chủ đầu tư. |
| Trực tiếp | 40 Ngày làm việc |  | Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tỏ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thạo trực tiếp với chủ đầu tưl tổng hợp ý kiến và gửi cho chủ đầu tư. |

Thành phần hồ sơ:

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Kế hoạch triển khai xây dựng công trình |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Tiến độ xây dựng công trình |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Các thông tin quy định tại khoản 1 điều 3 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Quy mô, phương án chuyển nước ( đối với dự án có chuyển nước). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã

Cơ quan thực hiện:

Phòng Tài nguyên Môi trường

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp Huyện

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện.

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Văn bản góp ý, tổng hợp ý kiến

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 17/2012/QH13 | Tài nguyên nước | 21-06-2012 | Quốc Hội |
| 02/2023/NĐ-CP | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước | 01-02-2023 | Chính phủ |

**3. Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển**

Trình tự thực hiện:

Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát 02 tờ khai theo Mẫu 37 và Mẫu 38 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP cho tổ chức, cá nhân để kê khai. Trường hợp chưa có công trình khai thác, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành xây dựng công trình.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 10 Ngày làm việc |  | Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân. |

Thành phần hồ sơ:

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Phát 02 tờ khai theo Mẫu 37 và Mẫu 38 Nghị định 02/2023/NĐ-CP cho tổ chức, cá nhân để kê khai | Mẫu 37.doc Mẫu 38.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 1 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã

Cơ quan thực hiện:

Sở Tài nguyên và Môi trường

Cơ quan có thẩm quyền:

Sở Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Kết quả của thủ tục Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển cấp theo Mẫu 37 và Mẫu 38 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 02/2023/NĐ-CP | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước | 01-02-2023 | Chính phủ |

**Mẫu 37**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

**Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (nơi xây dựng công trình)**

**1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:.............................................................................................(1)

1.2. Địa chỉ liên hệ:............................................................................................

1.3. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ *(nếu có)*:………......................................

**2. Thông tin về công trình khai thác:**

2.1. Trường hợp có một (01) công trình khai thác, sử dụng nước mặt

a. Vị trí công trình: *……………………………………………………………………….…..(2)*

b. Nguồn nước khai thác: ………………………………………………………….....(3)

c. Mục đích khai thác, sử dụng:………………………................................................(4)

d. Lưu lượng khai thác: ………….. …….…………………………………………...(5)

đ. Phương thức khai thác, sử dụng nước:…………..…………………………..……(6)

e. Chế độ khai thác, sử dụng nước:………………………………………...…………(7)

2.2. Trường hợp có từ hai (02) công trình khai thác trở lên: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm tờ khai đăng ký này.

**3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:**

- (*Tên tổ chức/cá nhân đăng ký*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (*Tên* *tổ chức/cá nhân đăng ký*) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh *(nơi xây dựng công trình)* xem xét, xác nhận việc đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt cho *(tổ chức/cá nhân đăng ký*)./.

*.........., ngày..... tháng ........ năm ..............*

**Tổ chức/cá nhân đăng ký**

*Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)*

(1) Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập, Giấy đăng ký kinh doanh/đốivới cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo chứng minh nhân dân/căn cước công dân.

(2) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước mặt; tọa độ X,Y các hạng mục chính công trình (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 30) đo bằng GPS cầm tay hoặc đo bằng thiết bị tương đương).*

(3) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông…

(4) Nêu rõ mục đích khai thác, sử dụng nước; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ nhiệm vụ cấp nước trực tiếp cho từng mục đích sử dụng *(cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản....)* và mục đích tạo nguồn *(nếu có).*

(5) Ghi rõ lượng nước khai thác và lượng nước để tạo nguồn *(nếu có)*.

(6) Ghi rõ loại hình công trình *(hồ chứa/đập dâng/cống/trạm bơm nước,...)*, mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước,…

(7) Ghi rõ chế độ điều tiết *(đối với hồ chứa)*, số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.

**Phụ lục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên Công trình | Đơn vị quản lý | Loại hình công trình khai thác (hồ chứa, cống, trạm bơm, kênh dẫn,..) | Vị trí | | | Nguồn nước khai thác (Ghi rõ sông/suối khai thác, thuộc hệ thống sông nào | Mục đích khai thác, sử dụng/tạo nguồn cấp nước | Lưu lượng khai thác, sử dụng (m3/s) | Hồ chứa | | Trạm bơm | | Cống | | Ghi chú |
| X | Y | Xã, huyện, tỉnh | Dung tích toàn bộ (triệu m3) | Dung tích hữu ích (tiệu m3) | Công suất thiết kế (m3/h) | Công suất thực tế (m3/h) | Lưu lượng thiết kế (m3/s) | Kích thước (m) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |